

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ
ngày 10/4/2019
V/V ly hôn; Nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Vỹ
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 14 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc: Xin ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hoàng Văn T

Nơi công tác: Điện L huyện T, tỉnh C

2. Bị đơn: Nông Thị Việt H

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C

Nguyên đơn, bị đơn - Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2018 trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hoàng Văn T trình bày: Anh T kết hôn cùng chị Nông Thị Việt H từ tháng 5 năm 2010, hôn nhân có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị thuê nhà trọ ở riêng cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, không có gì mâu thuẫn, nhưng hai năm trở lại đây chị H đi làm tại Trung tâm viễn thông huyện T, chị H không còn quan tâm chăm sóc con cái, hết giờ không về

nhà, thường xuyên đi chơi đêm rất khuya, anh đã nhắc nhở chị H nhiều lần nhưng chị vẫn không thay đổi, đến tháng 6 năm 2018 anh phát hiện chị H có tình cảm với người đàn ông khác và chị H cũng đã thừa nhận. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến tháng 7 năm 2018 anh T đã dọn ra ngoài sống ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Anh T cùng chị H có 01 con chung tên là: Hoàng Nhật Anh Đ, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng khắc phục được, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn: Nông Thị Việt H trình bày: Về điều kiện kết hôn cũng như anh T đã trình bày, sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến năm 2016 chị đi làm tại Trung tâm viễn thông huyện T do công việc của chị hay đi làm về muộn, anh T có nghi ngờ chị có tình cảm với người đàn ông khác, từ tháng 10 năm 2018 vẫn sống chung nhưng anh chị đã ăn riêng. Hiện tại hai anh chị đã không còn sống chung nữa mà anh T đã dọn ra ngoài ở riêng từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị Hà cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 đứa con chung tên là Hoàng Nhật Anh Đ, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và chị có yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.500.000,đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), hình thức cấp dưỡng đóng 06 (Sáu) tháng / lần.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T cùng chị Nông Thị Việt H kết hôn năm 2008, hôn nhân có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống khi mới kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 khi chị H đi làm việc tại trung tâm viễn thông huyện T do

công việc của chị H hay đi làm về muộn, anh T cho rằng chị không quan tâm chăm sóc con cái, hết giờ làm không về nhà, thường xuyên đi chơi đêm rất khuya, anh T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi, đến cuối tháng 6/2017 anh T phát hiện chị H có tình cảm với người đàn ông khác từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không tin tưởng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, anh chị đã sống ly thân không qua lại thăm nom, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu cố kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả. Do đó tại phiên toà anh Hoàng Văn T xin ly hôn với chị Nông Thị Việt H, chị H cũng nhất trí ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thấy sự tự nguyện đó là phù hợp cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 đứa con chung tên là Hoàng Nhật Anh Đ, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010, khi ly hôn anh Tân có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Nhật Anh Đ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh. Chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Nhật Anh Đ đến tuổi trưởng thành, có yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T cùng chị H cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và xét nguyện vọng của cháu Hoàng Nhật Anh Đ tại văn bản ngày 21 tháng 02 năm 2019, cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng mẹ và xét điều kiện kinh tế của người bố và người mẹ và ý kiến của cháu, căn cứ vào khoản 2, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, xét về quyền lợi mọi mặt để cháu Đ phát triển về thể chất lẫn tinh thần do cháu Đ còn nhỏ và có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Nông Thị Việt H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) của chị Nông Thị Việt H là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Nhật Anh Đ, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng nuôi con đóng góp 6 tháng/ lần. Tiền cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, và điểm đ, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14. Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị Việt H.

[2] Về con chung: Chị Nông Thị Việt H là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Hoàng Nhật Anh Đ, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) / tháng , đóng góp 6 tháng/ lần. Tiền cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có

[4] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn và 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000,đ tại biên lai số: AB/2012/02089, ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Nay anh T còn phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Trần Đình Vỹ

Nguyễn Thị Hương

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

